

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/ 6 / 2019

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Thanh Phương**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Giang** và bà **Nguyễn Thị Ngọc**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Thu Hà.**

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa:* Ông **Cao Đức Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về “tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh năm: 1992

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt .

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm: 1992

Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã Hồng Ph, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Tạm trú: Khu x, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Quảng Ninh (xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Ngô Thị L có nội dung thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ph có thời gian tìm hiểu nhau rồi quyết định chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2015, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh ngày 02/10/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn, số 42 quyển số 01/2015). Sau khi kết hôn, thời gian đầu

anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ph không có sự quan tâm và chia sẻ với chị trong mọi sinh hoạt hàng ngày mà thường xuyên tụ tập bạn bè nên sau đó anh chị sống ly thân. Đến khoảng tháng 4/2016 thì chị nghe tin anh Ph bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị xử phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Nay cuộc hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.
- Về tài sản chung; các khoản nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Văn Ph (có xác nhận của Trại giam Quảng Ninh), anh Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Ph trình bày cơ bản thống nhất với quan điểm của chị L thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn. Đến tháng 4/2016, anh bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý vì tình cảm không còn.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có.

Nội dung xác nhận của Trại Giam Quảng Ninh: Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1992; ĐKKHTT: xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; tội danh: “Mua bán trái phép chất ma túy”; ngày bắt: 22/4/2016; án phạt: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh”.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn chị Ngô Thị L cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản chính); sổ hộ khẩu (02 bản sao); sổ tạm trú (01 bản sao); căn cước công dân (01 bản sao); sổ thăm gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký (01 bản phô tô); phiếu chuyển EMS (01 bản chính); đơn đề nghị (01 bản chính); biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (01 bản chính); đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/6/2019.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn anh Nguyễn Văn Ph giao nộp gồm: đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/5/2019.

Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án gồm: Quyết định ủy thác lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Ph do Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh thực hiện; biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự (nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án, nhưng thể hiện quan điểm bằng văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L.

+ Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn Ph.

+ Về con chung; tài sản chung; các khoản nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự trong quá trình điều tra; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn Ph là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Ph nên thuộc trường hợp “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn anh Nguyễn Văn Ph có đăng ký tạm trú tại khu x, phường K, thành phố M từ ngày 20/10/2015, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố M là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đang bị tạm giam nên không đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại Biên bản về việc không tiến hành được phiên họp và phiên hòa giải ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M; chị L đã thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho anh Ph thể hiện tại Phiếu chuyển EMS ngày 22/3/2019.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ph đề nghị xét xử vắng mặt anh Ph tại phiên tòa. Xét anh Ph đang chấp hành án hình phạt tù, đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và việc anh Ph vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 03/6/2019 và giữ nguyên các quan điểm như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự

đảm bảo đúng qui định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn Ph là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự quan tâm, chia sẻ dẫn đến ly thân. Trong thời gian sống ly thân thì anh Ph bị xét xử và phải chấp hành 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt: 22/4/2016. Hiện anh Ph đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh. Từ đó cho thấy, thực trạng cuộc sống chung giữa vợ chồng anh chị không có hạnh phúc; thiếu đi sự yêu thương, quý trọng lẫn nhau; hôn nhân không còn tồn tại từ khi anh Ph bị bắt. Mặt khác, xuất phát từ lối sống thiếu lành mạnh, anh Ph đã bị Tòa án xét xử và phải chấp hành hình phạt tù trong nhiều năm như nội dung xác nhận của Trại giam Quảng Ninh. Việc làm của anh Ph đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của chị L, đó là quyền được hưởng sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ tôn trọng lẫn nhau; cùng chia sẻ công việc trong các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, chị L và anh Ph cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L - công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Ph theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Các đương sự không có con chung, nên không xét.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không xét.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 55 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn Ph.

*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh Ph nên Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/10/2015 không còn giá trị pháp lý*

2. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Buộc chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001597 ngày 10/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAT;
- VKSND;
- THADS;
- UBND xã H  
t. x Đ, tỉnh Quảng Ninh.
- Dương sự;
- Ấn văn + L □□.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Vũ Thị Thanh Phương**